TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2025/DS-PT
Ngày: 24- 6-2025
V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực
Ông Huỳnh Đắc Đương

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1946. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2025). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1942; (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1946; (vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1952; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/ Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1946; (có mặt)
Địa chỉ: khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
5/ Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1956; (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.
6/ Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1961; (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
7/ Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1965; (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thành L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày: Bà là con ruột của cụ Trương Thị Đ1 và cụ Nguyễn Văn V, cụ Đ1 chết vào năm 2007, cụ V chết năm 1986. Cụ V và cụ Đ1 có tất cả 09 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim H1, bà Nguyễn Thị Kim B, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Thành Đ, ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Nguyễn Thị Kim Y và bà Nguyễn Thị Kim X. Ngoài những người con ruột này, cụ Đ1 không còn có con riêng, con nuôi nào khác. Lúc cụ Đ1 còn sống có để lại di sản là quyền sử dụng đất thửa số 173, diện tích 6.370 m^2, loại đất ở nông thôn, vườn thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hiện nay thửa 173, diện tích 6.370 m^2 (theo kết quả khảo sát là 5.241,5 m^2) ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Kim C cùng đang quản lý, sử dụng. Ngoài thửa đất 173, cụ Đ1, cụ V còn để lại quyền sử dụng đất thửa 174, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.800 m^2 nằm liền kề thửa 173, trên thửa đất 174 có căn nhà do ông Đ xây cất cho cụ Đ1 để ở. Hiện nay, thửa đất này, ông Đ đang quản lý. Thửa 174, cụ V có kê khai vào năm 1983 nhưng thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lúc cụ Đ1 còn sống, có cho bà H1 05 công đất ruộng, cho bà H 05 công đất ruộng, cho ông Đ 05 công đất ruộng (ông Đ đã bán cho bà H). Ngoài ra, ông L lấy đất của cụ Đ1, bán cho bà X 05 công đất ruộng với giá 02 chỉ vàng 24 kra/công đất.

Nay, bà X yêu cầu chia thừa kế diện tích 500 m^2 thuộc thửa 173, tờ bản đồ số 03, bà X yêu cầu được nhận giá trị đất theo giá Hội đồng định giá đã định, bà X đồng ý cho ông L được nhận thừa kế nhưng ông L phải thanh toán giá trị đất 500 m^2 với giá đất là 1.000.000 đồng/m^2 với số tiền là 500.000.000 đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thành L có lời trình bày: Thửa đất 173, tờ bản đồ số 03, diện tích 6370 m^2, loại đất ở,

cây lâu năm, toạ lạc tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của cụ Đ1. Lúc cụ Đ1 còn sống có lập di chúc để lại thửa đất này cho ông và ông Đ có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi cụ Đ1 chết, ông và ông Đ đã nhờ cơ quan chuyên môn đo tách thửa 173, tờ bản đồ số 3 này để ông và ông Đ lập văn bản phân chia di sản thừa kế nhưng chưa hoàn thành xong thủ tục. Còn bà X, bà C, bà B đã tách hộ khẩu ra ở riêng trên 50 năm, khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình thì những người này không phải là thành viên trong hộ gia đình ông, cho nên yêu cầu của bà X, bà B và bà C, ông không đồng ý. Ông L yêu cầu được nhận thừa kế theo di chúc do cụ Đ1 đã lập.

Ngoài ra, đối với bà C yêu cầu ông hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng tiền góp vốn cất căn nhà trên thửa 173, tờ bản đồ số 03, ông đồng ý hoàn trả lại số tiền này với điều kiện bà C phải rời khỏi căn nhà trên thửa 173.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà X về di sản của cụ Đ1 và cụ V chết để lại. Trước đây bà cùng với ông Nguyễn Thành L góp tiền để xây dựng căn nhà trên thửa 173, trong đó phần đóng góp của bà là 100.000.000 đồng. Hiện nay, căn nhà này, bà cùng với ông L đang quản lý, sử dụng.

Nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Đ1 để lại đối với thửa 173, bà C yêu cầu được chia giá trị đất 500m^2, thuộc thửa 173, tờ bản đồ số 03. Do ông L đang quản lý, sử dụng thửa đất này nên ông L có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất 500 m^2 cho bà tương đương với số tiền 500.000.000 đồng. Bà Thống nhất giao quyền sử dụng đất cho ông L được nhận thừa kế. Ngoài ra, bà C còn yêu cầu ông L hoàn trả lại cho bà số tiền 100.000.000 đồng, đây là số tiền mà bà cùng đóng góp để xây dựng căn nhà trên thửa 173, tờ bản đồ số 03. Bà C đồng ý giao căn nhà trên thửa 173 cho ông Đ1 quản lý, sử dụng.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên toà hôm nay bà Nguyễn Thị Kim B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà X về di sản của cụ Đ1 và cụ V để lại.

Nay bà B yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Đ1 chết để lại. Trong đó, bà yêu cầu được chia giá trị đất 500m^2 thuộc thửa 173, tờ bản đồ số 03 với số tiền là 500.000.000 đồng và ông L có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho bà.

Tại biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Thành Đ có lời trình bày: Khi cụ Đ1 còn sống có lập di chúc để lại thửa 173, tờ bản đồ số 03 cho ông và ông Nguyễn Thành L, tại thời điểm cụ Đ1 lập di chúc có mặt tất cả các anh chị em ruột và các anh em đều thống nhất cho ông và ông L được nhận thửa đất 173, tờ bản đồ số 03. Nay nếu pháp luật chia di sản của cụ Đ1, ông yêu cầu được chia diện tích đất

692,7 m^2 thuộc một phần thửa 173, tờ bản đồ số 03 đúng theo Văn bản phân chia thừa kế được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C chứng thực ngày 12/10/2022.

Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị Kim H1, bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị Kim Y có lời trình bày: Thửa đất 173, tờ bản đồ số 03, toạ lạc tại ấp S, xã M, huyện C là của cụ Đ1. Lúc cụ Đ1 còn sống đã lập di chúc để lại cho ông Nguyễn Thành Đ và ông Nguyễn Thành L.

Nay bà H, bà H1, bà L1, bà Y không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa 173, tờ bản đồ số 03 do cụ Đ1 để lại. Các đương sự đồng ý cho ông Đ, ông L được thừa kế toàn bộ thửa 173, tờ bản đồ số 03 và không đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu của bà X, bà C, bà B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 5, 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 634, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 100, 101, 104, 126, 166, 179, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim X.

2/Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim C.

Buộc ông Nguyễn Thành L trả cho Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị Kim B mỗi người số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), tiền giá trị quyền sử dụng đất mà bà Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị Kim B được chia thừa kế đối với di sản chưa phân chia của cụ Đ1.

Buộc ông Nguyễn Thành L trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) trong đó có 500.000.000 đồng tiền giá trị quyền sử dụng đất được chia thừa kế đối với di sản chưa phân chia của cụ Đ1 và 100.000.000 đồng tiền bà C đã đóng góp để xây cất căn nhà trên thửa 173.

Chia cho ông Nguyễn Thành Đ diện tích đất 692,7m^2 (sơ đồ khu đất ký hiệu B) thuộc một phần thửa 173, tờ bản đồ số 03, loại đất cây lâu năm, toạ lạc tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Nguyễn Thành L được chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích đất 3.048,8 m^2, thuộc thửa 173, tờ bản đồ số 03 và được nhận diện tích đất 1.500 m2 thuộc thửa 173, tờ bản đồ số 3, do trả giá trị đất cho bà Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị Kim B và bà Nguyễn Thị Kim C.

Như vậy, ông Nguyễn Thành L được quản lý sử dụng tổng diện tích 4.548,8 m^2 (sơ đồ khu đất ký hiệu A) thuộc một phần thửa 173, tờ bản đồ số 03, toạ lạc tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tài sản trên diện tích đất 4.548,8 m^2 thuộc thửa 173, tờ bản đồ số 03 (trong đó có căn nhà cấp 4 do ông L cùng bà C cùng đóng góp để xây dựng), ông L được toàn quyền quản lý, sử dụng.

Diện tích cụ thể và vị trí tứ cận được thể hiện theo sơ đồ khu đất kèm công văn số 17/CNHCL ngày 14/01/2025 của Văn phòng Đ3 chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim H1, bà Nguyễn Thị Kim L1 và bà Nguyễn Thị Kim Y không yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa 173, tờ bản đồ số 03 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, chi phí thẩm định, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/02/2025 ông Nguyễn Thành L kháng cáo yêu cầu sửa Bản án số 01/2025/DS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Kim B, bà Nguyễn Thị Kim C.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án. Đối với phần đất có diện tích 692,7m^2 (sơ đồ khu đất ký hiệu B) thuộc một phần thửa 173, tờ bản đồ số 03, loại đất cây lâu năm, toạ lạc tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông L thống nhất cho ông Đ như án sơ thẩm đã xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của ông Nguyễn Thành L không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 294 và khoản 2 Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên. Xét đơn kháng cáo của bị đơn, còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành L không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Kim B, bà Nguyễn Thị Kim C. Ông L cho rằng thửa đất đang tranh chấp cụ Đ1 đã lập di chúc cho ông và ông Đ hưởng số tài sản này.

Xét tờ di chúc lập ngày 9/7/02 (không ghi rõ năm), về hình thức của tờ di chúc do bà Nguyễn Thị Kim C là người thừa kế thứ nhất viết, bà C khai chữ ký của những người có tên trong di chúc và chữ ký tên của cụ Đ1 là do bà ký thay. Nội dung di chúc lập không đúng theo quy định tại Điều 655, Điều 656 Bộ luật dân sự năm 1995. Bà C, bà H1, bà X, bà Y và bà L1 khai cụ Đ1 không biết chữ nhưng di chúc chỉ có 01 mình bà Dương Thị A làm chứng là không đúng theo quy định tại Điều 659 Bộ luật dân sự. Ngoài ra người xác nhận tờ di chúc ông Nguyễn Văn Đ2 thời điểm này là Trưởng ban N, xã M, huyện C không xác định việc trực tiếp chứng kiến việc lập di chúc của cụ Đ1.

Tờ di chúc có ghi diện tích và tứ cân tuy nhiên tứ cận không đúng với vị trí thửa đất đang tranh chấp (BL04, 67) nên không xác định được diện tích đất trong di chúc là thửa đất nào. Như vậy Tờ di chúc của cụ Đ1 do ông L cung cấp là không hợp pháp. Các thừa kế khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Văn bản phân chia di sản được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C chứng thực ngày 12/10/2022. Văn bản này không thể hiện toàn bộ ý chí của tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trương Thị Đ1 (thiếu ý chí của bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Kim B và bà Nguyễn Thị Kim H), cho nên Văn bản phân chia di sản này được lập không hợp pháp.

[3] Về di sản thừa kế: Các thừa kế của cụ Đ1 và cụ V thừa nhận thửa đất số 173, diện tích 5.241,5 m^2, loại đất ở nông thôn, cây lâu năm, và thửa đất 174 diện tích 1800 m^2, tọa lạc tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do cụ Đ1 và cụ

V tạo lập. Hai cụ chết có di chúc của cụ Đ1 nhưng di chúc không hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Kim B yêu cầu chia di sản thừa kế, mỗi người một suất với diện tích đất 500m^2 xin được nhận giá trị là 500.000.000 đồng/người. Tòa án cấp sơ thẩm khi phân chia đã xem xét công sức giữ gìn cải tạo đất của ông L. Việc chia thừa kế là đảm bảo quyền lợi của các đương sự nên kháng cáo của ông Nguyễn Thành L không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là có căn cứ nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nghỉ nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 634, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành L.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn tiền án phí cho ông Nguyễn Thành L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung